

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- **Tên gói thầu:** Gói thầu số 2 – vật tư hoa kiểng phục vụ công tác quý 2/2026
- **Dự toán mua sắm:** Vật tư hoa kiểng quý 2/2026
- **Phát hành ngày:** 07/4/2026
- **Ban hành kèm theo Quyết định:** 917 /QĐ-CVCX ngày 07./4/2026

Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
2. Tên bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 2 – vật tư hoa kiểng phục vụ công tác quý 2/2026 thuộc dự toán mua sắm vật tư hoa kiểng quý 2/2026. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

2.1 Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

2.2 Nhà thầu là Hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật
2. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2))

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, số điện thoại 02838295729, Fax 02838295614 hoặc email tiếp nhận báo giá: hoaituongcpr@gmail.com không muộn hơn **11 giờ 30 phút ngày 14/4/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã

nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa vật tư

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa vật tư

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa vật tư theo đúng nội dung nêu tại bảng dưới đây, thời gian cung cấp sẽ theo yêu cầu của Chủ đầu tư kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Stt	Vật tư	Đvt	Khối lượng	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Búp thái nhiều màu (h=20cm)	giỏ	1.500	
2	Cúc hasfarm (h=20-25cm)	giỏ	1.100	
3	Lá vàng bạc (h=20-25cm)	giỏ	200	
4	Ác ó (3 cành/bịch, h cành=20cm)	bịch	4.000	
5	Bạch trinh biên (h=30-35cm, tối thiểu 4 lá)	giỏ	3.000	
6	Bạch trinh biên (h=45-40cm)	giỏ	500	
7	Bông giấy (h=40-45cm)	giỏ	100	
8	Bông giấy (h=40-50cm)	giỏ	100	
9	Búp hasfarm (h=20-25cm)	giỏ	300	
10	Búp ta (h=35-45cm)	giỏ	500	
11	Cắm tú mai (h=20-25cm)	giỏ	200	
12	Cỏ lá gừng (không lẫn cỏ tạp)	m ²	5.000	
13	Cỏ nhung (không lẫn cỏ tạp)	m ²	500	
14	Croton (h=20-25cm)	giỏ	100	
15	Cúc lá nhám (h=35-40cm)	giỏ	1.500	
16	Cúc mặt trời (h=30-35cm)	giỏ	500	
17	Cúc xuyên chi (phủ kín bịch, đk 14cm)	giỏ	5.000	
18	Cùm rùm (h=20-30cm)	giỏ	500	
19	Chuối hoa (h=45-50cm)	giỏ	500	
20	Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	giỏ	2.000	
21	Diễm châu (h=20-25cm)	giỏ	100	
22	Duyên cúc cam (h=20-25cm)	giỏ	500	
23	Duyên cúc vàng (h=20-25cm)	giỏ	700	
24	Dừa cạn ta (h=30-35cm)	giỏ	7.000	
25	Dừa sọc vàng (h=25-30cm)	giỏ	100	
26	Dương xỉ (h = 20-25 cm)	giỏ	500	
27	Đông hầu (h=25-30cm)	giỏ	500	
28	Đông hầu trắng (h=25-30cm)	giỏ	500	
29	Đông hầu vàng (h=20-30cm)	giỏ	2.000	
30	Hàm chó (h = 15-30 cm)	giỏ	2.000	
31	Hàm chó hồng (h=15-30cm)	giỏ	1.500	
32	Hoa hồng lửa (h=25-30cm)	giỏ	2.000	
33	Hồng lộc (h=1,2m)	giỏ	10	
34	Hồng lộc (h=60-80cm)	giỏ	100	
35	Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	giỏ	1.700	

Stt	Vật tư	Đvt	Khối lượng	Các yêu cầu khác (nếu có)
36	Hồng nhiều màu (h=25-30cm)	giỏ	500	
37	Hồng tường vi (h=25-30cm)	giỏ	500	
38	Hồng thân gỗ (h=0,8-1m)	giỏ	50	
39	Hướng dương nhiều bông (h = 1-1,2 m)	giỏ	100	
40	Kim phát tài (h = 40-50 cm, gồm chậu sứ và đĩa)	chậu	10	
41	Lá trắng (h=20-25cm)	giỏ	1.000	
42	Lài trâu (h=20-30cm)	giỏ	500	
43	Lài trâu (h=25-30cm)	giỏ	1.000	
44	Lài trâu (h=35-40cm)	giỏ	1.500	
45	Lan ý (h=40-50cm, bụi lớn, nhiều nhánh)	giỏ	1.000	
46	Lẻ bạn (h=15-20cm)	giỏ	200	
47	Liều hồng (h=20-25cm)	giỏ	600	
48	Linh sam (h=25-30cm)	giỏ	200	
49	Lưỡi hổ (h=40-50cm, tối thiểu 4 lá)	giỏ	50	
50	Mai địa thảo hỗn hợp (h=20-25cm, size chậu 15)	giỏ	1.000	
51	Mai địa thảo hồng lá tím (h=25-30cm), size chậu 9-10)	giỏ	1.500	
52	Mai địa thảo lá tím hỗn hợp (h=25-30cm), size chậu 9-10)	giỏ	1.000	
53	Mai địa thảo lá tím hồng (h=25-30cm), size chậu 9-10)	giỏ	1.000	
54	Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm, size chậu 9-10)	giỏ	1.000	
55	Mai địa thảo trắng lá tím (h=25-30cm, size chậu 9-10)	giỏ	1.000	
56	Me keo cắm thạch (h<0,7m)	giỏ	5	
57	Mỏ két (h=40-50cm)	giỏ	500	
58	Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	giỏ	1.000	
59	Nguyệt quế (h=0,8-1m, đường kính tán 35-40cm)	giỏ	50	
60	Phong huệ hồng (h=20-25cm)	giỏ	100	
61	Phúc lộc thọ (h=30-35cm) 03 đến 04 nhánh /giỏ	giỏ	1.500	
62	Sao nháy cam thái (h=35-40cm)	giỏ	1.000	
63	Sao nháy vàng thái (h=35-40cm)	giỏ	500	
64	Sen (h = 0,5-0,7m, đk chậu = 0,25-0,3m)	chậu	300	
65	Si nhánh (h>0,8m)	giỏ	500	
66	Sứ thái hồng (h=40-50cm)	giỏ	10	
67	Tuyết sơn phi hồng (h=25-35cm)	giỏ	50	
68	Tường vi (h=35-40cm)	giỏ	100	
69	Tường vi (h=40-50cm)	giỏ	100	
70	Trạng nguyên (h=30-35cm)	giỏ	4.000	
71	Trâm ôi (h=25-30cm)	giỏ	1.500	

Stt	Vật tư	Đvt	Khối lượng	Các yêu cầu khác (nếu có)
72	Trâm ôi thái (h = 30-35 cm)	giỏ	1.000	
73	Trâm ôi thái (h=25-30cm)	giỏ	500	
74	Trâm ôi vàng (h=25-30cm)	giỏ	100	
75	Trầu bà thái (2-3 cành)	giỏ	500	
76	Trầu bà trắng (2-3 cành)	giỏ	2.500	
77	Trầu bà trắng (h=35-40cm)	giỏ	500	
78	Trúc nhật vàng (h=20-25cm)	giỏ	500	

Yêu cầu khác:

- Về năng lực và kinh nghiệm: Có tối thiểu 1 hợp đồng cung cấp hàng hóa là hoa, kiếng, cỏ có tính chất tương tự hoặc hồ sơ chứng minh năng lực cung cấp
- Về kỹ thuật: Cây đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và không sâu bệnh.
- Về giao hàng: Giao hàng theo đợt. Trước khi giao hàng bên A sẽ liên lạc cho bên B trước 2 ngày. Hàng được giao tại các mảng xanh công viên của bên A.
- Về kiểm tra nghiệm thu: Thời gian kiểm tra sau khi giao hàng. Cách thức tiến hành kiểm tra đếm số lượng, dùng thước đo để kiểm tra quy cách cây và kiểm tra trực quan để kiểm tra tình trạng sâu bệnh của cây.
- Về thanh toán: thanh toán theo đợt bằng chuyển khoản.

Chương III. BIỂU MẪU**ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật/ Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá 2	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Búp thái nhiều màu (h=20cm)	giò	1.500			
2	Cúc hasfarm (h=20-25cm)	giò	1.100			
3	Lá vàng bạc (h=20-25cm)	giò	200			
4	Ác ó (3 cành/bịch, h cành=20cm)	bịch	4.000			
5	Bạch trinh biên (h=30-35cm, tối thiểu 4 lá)	giò	3.000			
6	Bạch trinh biên (h=45-40cm)	giò	500			
7	Bông giấy (h=40-45cm)	giò	100			
8	Bông giấy (h=40-50cm)	giò	100			
9	Búp hasfarm (h=20-25cm)	giò	300			
10	Búp ta (h=35-45cm)	giò	500			
11	Cắm tú mai (h=20-25cm)	giò	200			
12	Cỏ lá gừng (không lẫn cỏ tạp)	m2	5.000			
13	Cỏ nhung (không lẫn cỏ tạp)	m2	500			
14	Croton (h=20-25cm)	giò	100			
15	Cúc lá nhám (h=35-40cm)	giò	1.500			
16	Cúc mặt trời (h=30-35cm)	giò	500			
17	Cúc xuyên chi (phủ kín bịch, đk 14cm)	giò	5.000			
18	Cùm rùm (h=20-30cm)	giò	500			
19	Chuối hoa (h=45-50cm)	giò	500			
20	Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	giò	2.000			
21	Diễm châu (h=20-25cm)	giò	100			
22	Duyên cúc cam (h=20-25cm)	giò	500			
23	Duyên cúc vàng (h=20-25cm)	giò	700			
24	Dừa cạn ta (h=30-	giò	7.000			

	35cm)					
25	Dừa sọc vàng (h=25-30cm)	giỏ	100			
26	Dương xi (h = 20-25 cm)	giỏ	500			
27	Đồng hầu (h=25-30cm)	giỏ	500			
28	Đồng hầu trắng (h=25-30cm)	giỏ	500			
29	Đồng hầu vàng (h=20-30cm)	giỏ	2.000			
30	Hàm chó (h = 15-30 cm)	giỏ	2.000			
31	Hàm chó hồng (h=15-30cm)	giỏ	1.500			
32	Hoa hồng lửa (h=25-30cm)	giỏ	2.000			
33	Hồng lộc (h=1,2m)	giỏ	10			
34	Hồng lộc (h=60-80cm)	giỏ	100			
35	Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	giỏ	1.700			
36	Hồng nhiều màu (h=25-30cm)	giỏ	500			
37	Hồng tường vi (h=25-30cm)	giỏ	500			
38	Hồng thân gỗ (h=0,8-1m)	giỏ	50			
39	Hướng dương nhiều bông (h = 1-1,2 m)	giỏ	100			
40	Kim phát tài (h = 40-50 cm, gồm chậu sứ và đĩa)	chậu	10			
41	Lá trắng (h=20-25cm)	giỏ	1.000			
42	Lài trâu (h=20-30cm)	giỏ	500			
43	Lài trâu (h=25-30cm)	giỏ	1.000			
44	Lài trâu (h=35-40cm)	giỏ	1.500			
45	Lan ý (h=40-50cm, bụi lớn, nhiều nhánh)	giỏ	1.000			
46	Lẻ bạn (h=15-20cm)	giỏ	200			
47	Liễu hồng (h=20-25cm)	giỏ	600			
48	Linh sam (h=25-30cm)	giỏ	200			
49	Lưỡi hổ (h=40-50cm, tối thiểu 4 lá)	giỏ	50			
50	Mai địa thảo hỗn hợp (h=20-25cm, size chậu 15)	giỏ	1.000			
51	Mai địa thảo hồng lá tím (h=25-30cm), size chậu 9-10)	giỏ	1.500			
52	Mai địa thảo lá tím hỗn hợp (h=25-30cm), size	giỏ	1.000			

	chậu 9-10)					
53	Mai địa thảo lá tím hồng (h=25-30cm), size chậu 9-10)	giò	1.000			
54	Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm, size chậu 9-10)	giò	1.000			
55	Mai địa thảo trắng lá tím (h=25-30cm, size chậu 9-10)	giò	1.000			
56	Me keo cắm thạch (h<0,7m)	giò	5			
57	Mỏ két (h=40-50cm)	giò	500			
58	Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	giò	1.000			
59	Nguyệt quế (h=0,8-1m, đường kính tán 35-40cm)	giò	50			
60	Phong huệ hồng (h=20-25cm)	giò	100			
61	Phúc lộc thọ (h=30-35cm) 03 đến 04 nhánh /giò	giò	1.500			
62	Sao nháy cam thái (h=35-40cm)	giò	1.000			
63	Sao nháy vàng thái (h=35-40cm)	giò	500			
64	Sen (h = 0,5-0,7m, đk chậu = 0,25-0,3m)	chậu	300			
65	Si nhánh (h>0,8m)	giò	500			
66	Sứ thái hồng (h=40-50cm)	giò	10			
67	Tuyết sơn phi hồng (h=25-35cm)	giò	50			
68	Tường vi (h=35-40cm)	giò	100			
69	Tường vi (h=40-50cm)	giò	100			
70	Trạng nguyên (h=30-35cm)	giò	4.000			
71	Trâm ôi (h=25-30cm)	giò	1.500			
72	Trâm ôi thái (h = 30-35 cm)	giò	1.000			
73	Trâm ôi thái (h=25-30cm)	giò	500			
74	Trâm ôi vàng (h=25-30cm)	giò	100			
75	Trầu bà thái (2-3 cành)	giò	500			
76	Trầu bà trắng (2-3 cành)	giò	2.500			
77	Trầu bà trắng (h=35-40cm)	giò	500			

78	Trúc nhật vàng (h=20-25cm)	giỏ	500			
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M=M1+M2+...+Mn
(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

___, ngày ___ tháng ___ năm ___

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự toán: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ___ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] của ___ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___
(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được

ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo. ⁽¹⁾

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng⁽²⁾.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản
 - b) Thời hạn thanh toán:
 - c) Số lần thanh toán:

Điều 6. Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo yêu cầu của bên A

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Cung cấp, vận chuyển và kiểm tra hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá (nếu có), cụ thể là: giao hàng tận nơi theo yêu cầu của bên A. Giao theo đợt. Trước khi giao hàng bên A sẽ liên lạc cho bên B trước 2 ngày.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng được giao đến các công viên mảng xanh của bên A

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian kiểm tra: sau khi giao hàng. Cách thức tiến hành kiểm tra: đếm số lượng, dùng thước đo để kiểm tra quy cách cây và kiểm tra trực quan để kiểm tra tình trạng sâu bệnh của cây. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: đưa sự việc tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền tại TP.HCM giải quyết. Phán quyết của tòa là quyết định cuối cùng

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí

2. Hợp đồng hết hiệu lực: Khi cả hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, hợp đồng sẽ mặc nhiên thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) trong bản yêu cầu báo giá này].